

Bản án số: 15/2020/HS-ST
Ngày 14-8-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hương

Thẩm phán: Ông Hồ Thanh Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Giàng A Ngải

Bà Lê Đào Bích

Bà Dương Thị Sáng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:
Bà Triệu Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ L số: 14/2020/TLST-HS ngày 02 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị Á** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 11/5/1984; nơi sinh: Huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Thôn H, xã A (nay là Tổ dân phố 5, phường P), thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Cán bộ Hạt kiểm lâm thành phố Tuyên Quang (đã có Quyết định buộc thôi việc vào tháng 6/2020); Tr độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Thế T, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1959; có chồng: Bùi Đức M, sinh năm 1983 và 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh 2017;

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 13/2019/HSST ngày 04/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xử phạt Nguyễn Thị Á 14 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tại bản án phúc thẩm số 205/2020/HSPT ngày 20/5/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã quyết định giữ nguyên mức án 14 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản đối với bị cáo Á.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (*do đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi*). Có mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Trần Thị Kim Oanh - Luật sư, Văn phòng luật sư Minh Hà Ngân, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt.*

* *Bị hại:*

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Số nhà 15, tổ 8, đường Trần Phú, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

- Chị Ma Thị P, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Khu 7, thị trấn T, huyện Y, nay là tổ 22, phường Đ, thành phố Tng, tỉnh Tuyên Quang. *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

- Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Thôn Đon Bả, xã L, huyện L, tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt.*

- Anh Hà Hùng V, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Thôn Hưng Thịnh (nay Thôn H), xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt.*

- Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1953;

Địa chỉ: Tổ dân phố M, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt.*

- Anh La Trọng H, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Tổ dân phố 10, thị trấn N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt.*

- Chị Hoàng Thị L3, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Thôn Y, xã T, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt.*

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1967;

Hiện đang chấp hành án tại Đội 13, thuộc Phân trại II - Trại giam Quyết Tiến - Bộ Công an. *Có mặt.*

- Anh Quan Văn L, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện L, tỉnh Tuyên Quang. *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

- Anh Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện L, tỉnh Tuyên Quang. *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

- Chị Đàm Thị U, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Tổ dân phố M, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt.*

- Chị Phạm Thùy N, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Tổ dân phố M, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt.*

- Chị Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Tổ dân phố 10, thị trấn N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Cáo trạng của Viện kiểm sát, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 5 năm 2017 đến tháng 12 năm 2018, do cần tiền chi tiêu cá nhân, Nguyễn Thị Á sinh năm 1984, cư trú tại tổ dân phố 5, phường P, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, là cán bộ Hạt kiểm lâm thành phố Tuyên Quang nói với nhiều người là có quan hệ quen biết với nhiều lãnh đạo cấp tỉnh, có khả năng xin vào làm việc tại các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, chi phí xin việc từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng/người. Tin lời Á, một số bị hại đã nộp hồ sơ và đưa tiền cho Á nhờ xin để được vào làm việc trong cơ quan nhà nước, cụ thể như sau:

1. Khoảng tháng 5/2017, bà Nguyễn Thị L trú tại tổ 8, phường Tân Quang, thành phố Tuyên Quang, chủ động đến nhà Á trao đổi, nhờ xin giúp cho con gái là Nguyễn Hải Yến được vào biên chế ngành giáo dục của huyện Hàm Yên. Á đồng ý và yêu cầu bà L nộp chi phí xin việc là 120.000.000 đồng, nhưng chỉ đưa trước cho Á 80.000.000 đồng, khi nào chị Yến được vào biên chế thì đưa nốt số tiền còn lại; nếu không xin được việc, Á sẽ trả lại tiền cho bà L.

Ngày 26/5/2017, bà L một mình đến nhà Á, đưa cho Á 80.000.000 đồng, Á viết giấy vay tiền đưa cho bà L giữ và hẹn đến tháng 9/2017, con bà L sẽ được vào biên chế. Sau khi nhận tiền của bà L, Á không đưa tiền cho ai để xin việc cho chị Yến, mà sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Đến nay, Á chưa trả lại tiền cho bà L.

2. Khoảng tháng 7/2017, Á gọi điện cho chị Ma Thị P, trú tại tổ 22, phường Đ, thành phố T nói với P là Hạt kiểm lâm thành phố Tuyên Quang đang thiếu biên chế, nếu chị P muốn vào làm, Á sẽ xin giúp, chi phí 90.000.000 đồng, nhưng chỉ đưa trước 70.000.000 đồng, khi nào được đi làm sẽ đưa nốt số tiền còn lại. Nếu không xin được việc Á sẽ trả lại tiền, chị P đồng ý.

Ngày 31/7/2017, chị P một mình đến nhà Á, đưa cho Á 01 bộ hồ sơ xin việc và số tiền 70.000.000 đồng. Á viết giấy vay tiền giao cho chị P và hẹn đến tháng 3/2018 chị P sẽ được đi làm. Toàn bộ số tiền nhận của chị P, Á sử dụng chi tiêu cá nhân hết, không nộp cho ai để xin việc cho chị P, hồ sơ của chị P Á đã làm mất, hiện không thu hồi được.

Sau khi nộp tiền cho Á nhưng không được đi làm, chị P nhiều lần gọi điện hỏi Á. Khoảng tháng 7/2018, do chị P gọi hỏi nhiều lần, Á đã soạn thảo 01 quyết định tuyển dụng ghi tên chị P (theo mẫu copy trên mạng xã hội), sau đó chuyển cho chị P qua tin nhắn Zalo. Á nói chị P đã có quyết định đi làm, đang chờ ký và yêu cầu nộp thêm 20.000.000 đồng. Tin lời Á, ngày 18/7/2018, chị P một mình đến nhà giao cho Á 20.000.000 đồng, Á viết thêm vào cuối tờ giấy vay tiền đã viết cho chị P là nhận thêm 20.000.000 đồng. Tổng số tiền nhận của chị P là 90.000.000 đồng, Á đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết; chưa trả lại cho chị P.

3. Khoảng tháng 12/2017, biết anh Quan Văn L trú tại thôn N, xã L, huyện Lâm Bình đang nhờ Nguyễn Thị Á xin cho vợ anh L được đi làm trong ngành y tại địa bàn huyện Lâm Bình, chị Nguyễn Thị C, trú tại thôn Đôn Bả, xã Lăng Can đã

làm 01 bộ hồ sơ, sau đó đưa cho bố là ông Nguyễn Văn Tr (trú cùng địa chỉ) để nhờ anh L mang đi nộp cho A, nhờ xin việc giúp. Sau khi xem hồ sơ của chị C, A gọi điện cho ông Tr trao đổi, hứa hẹn xin cho chị C được vào làm việc tại Bệnh viện đa khoa huyện Lâm Bình, chi phí xin việc là 100.000.000 đồng, nhưng chỉ đưa trước cho A 70.000.000 đồng, khi nào được đi làm sẽ đưa nốt số tiền còn lại. Ông Tr trao đổi lại với C, C đồng ý.

Ngày 22/12/2017, chị C chuyển 40.000.000 đồng vào tài khoản của anh trai là Nguyễn Văn Ch, trú tại thôn Đon Bả, xã Lăng Can, nhờ anh Ch chuyển số tiền trên đến tài khoản của A. Anh Ch đã đến cây ATM của ngân hàng Nông nghiệp huyện Lâm Bình, chuyển 40.000.000 đồng từ tài khoản của anh Ch đến số tài khoản 109005882798 của A mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam chi nhánh tỉnh Tuyên Quang.

Ngày 24/12/2017, ông Tr và chị C đến nhà A nộp thêm cho A 30.000.000 đồng. A viết 01 giấy vay 70.000.000 đồng với ông Nguyễn Văn Tr và hẹn đến tháng 3/2018 chị C được đi làm. Đến hẹn, chị C và ông Tr gọi điện hỏi A nhiều lần; khoảng tháng 7/2018, A soạn thảo 01 quyết định tuyển dụng ghi tên chị C (theo mẫu copy trên mạng xã hội), sau đó chuyển cho ông Tr qua tin nhắn Zalo. A nói chị C sắp có quyết định đi làm và yêu cầu nộp thêm tiền. Tin lời A, ngày 18/7/2018, chị C đã nộp 10.000.000 đồng vào tài khoản của A; đến ngày 25/7/2018, chị C nộp tiếp vào tài khoản của A 5.000.000 đồng. Tổng số tiền nhận của chị C là 85.000.000 đồng, A không nộp cho ai để xin việc cho chị C, mà sử dụng chi tiêu cá nhân hết; chưa trả lại tiền cho chị C.

4. Khoảng tháng 10 năm 2018, anh Hà Hùng V trú tại thôn H (nay thôn H), xã T, huyện S, xin được số điện thoại và chủ động liên lạc nhờ A giúp xin cho vợ là Nông Thị H được vào biên chế ngành giáo dục. A đồng ý và yêu cầu anh V phải đưa cho A 80.000.000 đồng, nếu không xin được việc làm A sẽ trả lại tiền, anh V đồng ý.

Ngày 25/10/2018, anh V một mình đến nhà đưa cho A 01 bộ hồ sơ xin việc của chị H và số tiền 50.000.000 đồng. A viết giấy vay tiền đưa cho anh V giữ và yêu cầu anh V nộp đủ số tiền đã thỏa thuận. Ngày 29/10/2018, anh V đã chuyển 30.000.000 đồng đến tài khoản 109005882798 của A. Toàn bộ số tiền 80.000.000 đồng đã nhận, A sử dụng chi tiêu cá nhân hết; hồ sơ của chị Huế A đã làm mất, không thu hồi được.

Đến tháng 4/2019, thấy vợ không được đi làm, anh V yêu cầu A trả lại tiền. Ngày 30/7/2019, A chuyển khoản trả lại cho anh V 10.000.000 đồng. Còn 70.000.000 đồng A hứa hẹn nhưng không trả, nên ngày 17/12/2019, anh V đã làm đơn yêu cầu giải quyết. Hiện A chưa trả 70.000.000 đồng cho anh V.

5. Khoảng tháng 10/2018, chị Đàm Thị U, trú tại tổ dân phố Măng Ngọt, thị trấn S, huyện S được chị Phạm Thùy N (trú cùng địa chỉ) giới thiệu A có khả năng xin được việc làm vào ngành giáo dục. Chị U nhờ chị N hỏi giúp, A đồng ý và yêu cầu phải nộp chi phí xin việc là 80.000.000 đồng, khi nào có quyết định đi làm thì

nộp thêm 10.000.000 đồng, nếu không xin được việc Á sẽ trả lại tiền, chị U đồng ý.

Ngày 29/10/2018, chị U đi cùng chị N và bố chồng là ông Nguyễn Văn C (cùng trú tại tổ dân phố Măng Ngọt), đến quán cà phê ở đối diện trường Trung học phổ thông Nguyễn Văn Huyền, thành phố Tuyên Quang để gặp Á. Sau khi trao đổi, ông C giao cho Á bộ hồ sơ của chị U và 80.000.000 đồng. Á viết giấy vay tiền với ông C, hẹn đến tháng 3/2019 chị U sẽ được đi làm.

Đến tháng 4/2019, chị U thi trượt công chức, ông C và chị U nhiều lần liên lạc yêu cầu Á trả lại tiền, nhưng Á không trả. Ngày 04/6/2019 ông Nguyễn Văn C đã làm đơn tố giác hành vi của Nguyễn Thị Á. Ngày 29/7/2019, Á đã trả lại cho ông C 10.000.000 đồng; còn lại 70.000.000 đồng, đến nay Á chưa trả cho ông C.

6. Khoảng tháng 10/2018, anh La Trọng H, trú tại tổ 10, thị trấn Na Hang, huyện Na Hang đến nhà Nguyễn Thị Á chơi, anh H nói chuyện đang làm hồ sơ thi công chức vào ngành Kiểm lâm, Á nói bản thân có quan hệ quen biết với lãnh đạo cấp tỉnh, nếu anh H cần Á sẽ giúp.

Sau khi thi công chức xong, anh H gọi điện nhờ Á xem giúp điểm thi. Do điểm của anh H thấp nên nhờ Á xin nâng điểm, Á đồng ý và yêu cầu anh H phải chuyển cho Á 180.000.000 đồng. Ngày 13/11/2018, anh H một mình đến nhà Á, giao cho Á 180.000.000 đồng. Á viết giấy vay tiền đưa cho anh H giữ. Đến cuối tháng 11/2018, có kết quả thi công chức, anh H không đỗ nên gọi điện nhờ Á giúp chạy phúc khảo. Á đồng ý và yêu cầu nộp thêm 80.000.000 đồng, anh H đã đến nhà đưa thêm cho Á 60.000.000 đồng; ngày 22/11/2018, anh H nhờ vợ là chị Nguyễn Ngọc A chuyển tiếp 20.000.000 đồng vào tài khoản số 109005882798 của Á. Tổng số tiền 260.000.000 đồng đã nhận của anh H, Á không đưa cho ai để xin cho anh H, mà sử dụng chi tiêu cá nhân hết; chưa trả lại cho anh H.

7. Khoảng tháng 11/2018, anh La Trọng H nói chuyện với chị Hoàng Thị L3, trú tại thôn Y, xã T, huyện N về việc đang nhờ Á xin nâng điểm thi công chức. Chị L3 nhờ anh H hỏi, nhờ Á xin giúp cho chị được vào công chức ngành giáo dục. Sau khi anh H trao đổi, Á đồng ý xin việc cho chị L3 với chi phí 130.000.000 đồng, nếu không xin được việc làm Á sẽ trả lại tiền. Chị L3 đồng ý và chuyển cho anh H 130.000.000 đồng.

Ngày 16/11/2018, anh H đưa cho vợ là Nguyễn Ngọc A 100.000.000 đồng, chị A mang 01 bộ hồ sơ của chị Hoàng Thị L3 và số tiền trên đến một quán nước gần bến xe khách Tuyên Quang giao cho Á. Sau đó chị A xin số tài khoản của Á, cung cấp cho ông La Quang Hòa (là bố chồng của chị A), để ông Hòa chuyển vào tài khoản của Á số tiền 20.000.000 đồng. Á viết giấy vay chị A 120.000.000 đồng và đưa giấy cho chị A giữ.

Ngày 12/12/2018, anh H đưa cho chị A 10.000.000 đồng, nhờ chuyển đến tài khoản 109005882798 của Á. Ngày 16/12/2018, chị A đến Hạt kiểm lâm thành phố Tuyên Quang gặp, yêu cầu Á viết giấy vay của A 130.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền đã nhận từ chị A, Á sử dụng chi tiêu cá nhân hết, không nộp cho ai để xin

việc cho chị L3. Chị L3 yêu cầu Á trả lại số tiền 130.000.000 đồng nhưng Á chưa trả.

Như vậy, Nguyễn Thị Á đã nhận của 07 bị hại tổng số tiền là 805.000.000 đồng (trong đó có 05 bộ hồ sơ xin việc), trước thời điểm bị tố giác Á đã trả lại cho anh Hà Hùng V 10.000.000 đồng. Do đó, tổng số tiền Nguyễn Thị Á đã chiếm đoạt của 07 bị hại được xác định là 795.000.000 đồng.

Tiến hành giám định chữ ký, chữ viết của bị cáo Nguyễn Thị Á trên H đồng vay tiền, giấy vay tiền, giấy hẹn trả tiền, giấy khất nợ do những bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan giao nộp.

Tại bản Kết luận giám định số 519/GĐ-KTHS ngày 19/7/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận: Chữ ký, chữ viết ghi tên Nguyễn Thị Á trên “Giấy vay tiền” ghi ngày 29/10/2018- ký hiệu A1 và “Giấy hẹn” ghi ngày 24/3/2019- Ký hiệu A2 (là tài liệu do chị Đàm Thị U giao nộp) với chữ viết, chữ ký ghi tên Nguyễn Thị Á trên các tài liệu mẫu so sA ký hiệu M1, M2 là do cùng một người viết và ký.

Tại Kết luận giám định số 701/GĐ-KTHS ngày 15/10/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận: Chữ ký, chữ viết ghi tên Nguyễn Thị Á trên “Giấy hẹn trả tiền” ghi ngày 01/7/2019- ký hiệu A1 (trừ chữ ký, chữ viết ghi tên Nguyễn Thị C dưới mục “Người cho vay”) với chữ viết, chữ ký mang tên Nguyễn Thị Á trên các tài liệu mẫu so sA ký hiệu M1 là do cùng một người viết và ký.

Tại Kết luận giám định số 758/GĐ-KTHS ngày 20/11/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận: Chữ ký, chữ viết ghi tên Nguyễn Thị Á trên mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A5 (là các giấy vay tiền, giấy khất nợ do anh La Trọng H giao nộp) (trừ chữ viết mục “Người cho vay” và chữ viết, chữ ký ghi tên La Trọng H trên mẫu cần giám định ký hiệu A1) với chữ viết, chữ ký mang tên Nguyễn Thị Á trên các tài liệu mẫu so sA ký hiệu M1, M2 là do cùng một người viết và ký.

Tại Kết luận giám định số 164/GĐ-KTHS ngày 24/02/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận: Chữ viết, chữ ký trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A7 (trừ chữ viết “để lo chạy phúc khảo KL cho em H” trên mẫu cần giám định ký hiệu A2; Chữ ký, chữ viết ghi tên Nguyễn Thị L dưới mục “Người giao tiền” trên mẫu cần giám định ký hiệu A6) với chữ viết, chữ ký trên mẫu so sA ký hiệu M1, M2 là do cùng một người viết và ký.

Bản Cáo trạng số 13/CT-VKS-P1 ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Á về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Á thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù H với quá Tr điều tra và bản cáo trạng đã truy tố.

Các bị hại có mặt Tr bày: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải hoàn trả

lại số tiền mà bị cáo đã nhận của các bị hại, về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo với mức án nghiêm minh theo quy định của pháp luật. Riêng bị hại ông Nguyễn Văn C xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại Nguyễn Thị L và Ma Thị P có đơn xin xét xử vắng mặt đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải hoàn trả lại số tiền mà bị cáo đã nhận của các bị hại, về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật.

Phản tranh luận, Kiểm sát viên Tr bày luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị Á như nội dung Bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Á phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

* Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 56 và Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Á từ 12 năm 06 tháng đến 13 năm tù. Tổng H hình phạt với bản án phúc thẩm số 205/2020/HSPT ngày 20/5/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội buộc bị cáo Nguyễn Thị Á phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội từ 26 năm 06 tháng đến 27 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Do bị cáo không có tài sản nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

* Trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 357, Điều 468, Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587 và Điều 589 Bộ luật Dân sự:

* Buộc bị cáo Nguyễn Thị Á phải hoàn trả số tiền đã nhận của các bị hại, cụ thể: Bà Nguyễn Thị L 80.000.000 đồng; chị Ma Thị P 90.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị C 85.000.000 đồng; anh Hà Hùng V 70.000.000 đồng; ông Nguyễn Văn C 70.000.000 đồng; anh La Trọng H 260.000.000 đồng; chị Hoàng Thị L3 130.000.000 đồng. Tổng số tiền là 785.000.000 đồng. *(Bảy trăm tám mươi lăm triệu đồng)*

* Án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Luật sư Trần Thị Kim Oanh bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Á Tr bày luận cứ: Nhất trí với Cáo trạng đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Á về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng người đúng tội. Về tình tiết giảm nhẹ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, bị cáo đang nuôi con nhỏ, quá Tr điều tra và tại phiên tòa bị cáo tỏ ra rất ân hận, ăn năn hối cải và đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi

phạm tội. Trong quá Tr điều tra bị cáo đã cố gắng khắc phục hậu quả cho bị hại Nguyễn Văn C với số tiền là 10.000.000đồng (*Mười triệu đồng*) đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Quá Tr sinh sống tại địa phương bị cáo chấp hành tốt pháp luật và các quy định của địa phương, thực hiện các nghĩa vụ của công dân. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt để tạo điều kiện cho bị cáo rèn luyện, sửa chữa lỗi lầm sớm trở về với gia đình và xã hội.

Bị cáo nhất trí với quan điểm bào chữa của Luật sư, không bổ sung thêm ý kiến gì khác, không tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Các bị hại không tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Kết thúc phần tranh luận, bị cáo Nguyễn Thị Á nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Á thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù H với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu, vật chứng thu giữ, các kết luận giám định, lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và những tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2017 đến tháng 10/2018, Nguyễn Thị Á sinh năm 1984, trú tại tổ dân phố 5, phường P, thành phố T đã có hành vi lừa đảo bằng hình thức hứa hẹn xin việc làm, nâng điểm thi công chức để chiếm đoạt tiền của các bị hại trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, cụ thể như sau:

1. Ngày 26/5/2017, Nguyễn Thị Á đã lừa đảo, hứa hẹn chạy biên chế vào ngành giáo dục để chiếm đoạt 80.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị L, trú tại số nhà 15, tổ 8, đường Trần Phú, T, thành phố T.

2. Ngày 31/7/2017 và ngày 18/7/2018, Nguyễn Thị Á lừa đảo, hứa hẹn xin việc làm để chiếm đoạt 90.000.000 đồng của chị Ma Thị P, trú tại tổ dân phố 22 phường Đ, thành phố T.

3. Trong các ngày 22, 24/12/2017, 18/7/218 và 25/7/2018, Nguyễn Thị Á lừa đảo, hứa hẹn xin cho chị Nguyễn Thị C, trú tại thôn Đ, xã L, huyện L được vào làm việc tại Bệnh viện đa khoa huyện Lâm Bình, chiếm đoạt của chị C 85.000.000 đồng.

4. Trong các ngày 25/10/2018, 29/10/2018, Nguyễn Thị Á lừa đảo, hứa hẹn chạy biên chế ngành giáo dục để chiếm đoạt số tiền 70.000.000 đồng của anh Hà Hùng V, trú tại thôn H (nay thôn Hưng Định), xã T, huyện S.

5. Ngày 29/10/2018, Nguyễn Thị Á lừa đảo, hứa hẹn chạy biên chế ngành giáo dục để chiếm đoạt 80.000.000 đồng của ông Nguyễn Văn C, trú tại tổ dân phố Măng Ngọt, thị trấn S, huyện S.

6. Trong các ngày 13/11/2018, 02/01/2019, Nguyễn Thị Á có hành vi lừa đảo, hứa hẹn chạy thi đỗ công chức ngành Kiểm lâm cho anh La Trọng H, trú tại tổ 10, thị trấn N, huyện N, chiếm đoạt của anh H 260.000.000 đồng.

7. Trong các ngày 16/11/2018, 12/12/2018, Nguyễn Thị Á có hành vi lừa đảo, hứa hẹn chạy biên chế ngành giáo dục cho chị Hoàng Thị L3, trú tại thôn Yên Thượng, xã T, huyện N, chiếm đoạt của chị L3 130.000.000 đồng.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang truy tố bị cáo Nguyễn Thị Á về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản là đúng người, đúng tội; tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo là xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, làm ảnh hưởng đến tình hình an N trật tự ở địa phương. Bản thân bị cáo có năng lực hành vi và nhận thức được tài sản của người khác được pháp luật bảo hộ, mọi hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản sẽ bị pháp luật nghiêm cấm và trừng trị, nhưng xuất phát từ mục đích vụ lợi muốn chiếm đoạt tài sản của người khác, bị cáo đã đưa ra thông tin gian dối không đúng sự thật làm cho bị hại tin tưởng giao tài sản là tiền cho bị cáo. Bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại với số tiền rất lớn để chi tiêu cá nhân. Do vậy, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo như vậy mới có tác dụng răn đe giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá Tr điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Á thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội, bị hại ông Nguyễn Văn C xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự Hội đồng xét xử sẽ áp dụng cho bị cáo. Về luận cứ bào chữa của Luật sư: Đề nghị trong quá Tr điều tra bị cáo đã cố gắng khắc phục hậu quả cho bị hại Nguyễn Văn C với số tiền là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) và tại phiên tòa bị hại C xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử thấy bị cáo mới khắc phục trả cho ông C 10.000.000 đồng là rất ít chiếm 1,26% trong tổng số tiền bị cáo lừa đảo chiếm đoạt của các bị hại là 795.000.000 đồng, nên không đủ điều kiện cho bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù H, đúng quy định của pháp luật.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Thị Á phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội từ hai lần trở lên”, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Về mức án Viện kiểm sát đề nghị, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt bị cáo ở mức án trong mức đề nghị của Viện kiểm sát mới phù H với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Về hình phạt bổ sung là phạt tiền do bị cáo không có tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét áp dụng.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo A là người trực tiếp đưa ra thông tin không đúng sự thật và trực tiếp nhận tiền của các bị hại. Vì vậy, Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải hoàn trả lại cho các bị hại. Cụ thể:

- Bồi thường cho bà Nguyễn Thị L - Trú tại: Số nhà 15, tổ dân phố 8, đường Trần Phú, T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang số tiền 80.000.000 đồng;

- Bồi thường cho chị Ma Thị P - Trú tại: tổ dân phố 22, phường Đ, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang số tiền 90.000.000 đồng;

- Bồi thường cho chị Nguyễn Thị C - Trú tại: Thôn Đon Bả, xã L, huyện L, tỉnh Tuyên Quang số tiền 85.000.000 đồng;

- Bồi thường cho anh Hà Hùng V - Trú tại: Thôn Hưng Thịnh (nay thôn Hưng Định), xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang số tiền 70.000.000 đồng;

- Bồi thường cho ông Nguyễn Văn C - Trú tại: Tổ dân phố Măng Ngọt, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang số tiền 70.000.000 đồng;

- Bồi thường cho anh La Trọng H - Trú tại: Tổ dân phố 10, thị trấn Na Hang, huyện N, tỉnh Tuyên Quang số tiền 260.000.000 đồng;

- Bồi thường cho chị Hoàng Thị L3 - Trú tại: Thôn Yên Thượng, xã Thanh Tương, huyện N, tỉnh Tuyên Quang số tiền 130.000.000 đồng.

Tổng số tiền là 785.000.000 đồng (*Bảy trăm tám mươi lăm triệu đồng*)

[6] Về xử L vật chứng: Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá Tr điều tra, cơ quan điều tra tạm giữ H đồng vay tiền, giấy vay tiền, giấy hẹn trả tiền, giấy khất nợ do những bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giao nộp cần được lưu trong hồ sơ vụ án.

[7] Đối với hành vi của Quan Văn L, Phạm Thùy N đã giới thiệu về Nguyễn Thị A cho những người bị hại biết; liên hệ với A nhờ xin việc cho các bị hại, nhưng không có sự bàn bạc, không được hưởng lợi gì từ A và những bị hại, nên hành vi không cấu thành tội phạm, không đề cập xử L.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang, trong quá Tr điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, Tr tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá Tr điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều H pháp.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải bồi thường cho các bị hại.

[10] Bị cáo, các bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 174; Điều 51; Điều 52; Điều 55; Điều 56 và Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Điều 135, Điều 136; Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Á, phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

*Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55; Điều 56 và Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Á 12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Tổng H với mức hình phạt 14 (mười bốn) năm tù của Bản án phúc thẩm số 205/2020/HSPT ngày 20/5/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 26 (hai mươi sáu) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 357, Điều 468, Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587 và Điều 589 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Á phải bồi thường cho các bị hại. Cụ thể:

- Bồi thường cho bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964. Trú tại: Số nhà 15, tổ 8, đường Trần Phú, phường Tân Quang, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang số tiền 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*).

- Bồi thường cho chị Ma Thị P, sinh năm 1983. Trú tại: Tổ dân phố 22, phường Đ, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang số tiền 90.000.000 đồng (*Chín mươi triệu đồng*).

- Bồi thường cho chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1992. Trú tại: Thôn Đon Bả, xã L, huyện L, tỉnh Tuyên Quang số tiền 85.000.000 đồng (*Tám mươi lăm triệu đồng*).

- Bồi thường cho anh Hà Hùng V, sinh năm 1990. Trú tại: Thôn Hưng Thịnh (nay thôn Hưng Định), xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang số tiền 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*).

- Bồi thường cho ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1953. Trú tại: Tổ dân phố M, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang số tiền 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*).

- Bồi thường cho anh La Trọng H, sinh năm 1986. Trú tại: Tổ dân phố 10, thị trấn N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang số tiền 260.000.000 đồng (*Hai trăm sáu mươi triệu đồng*).

- Bồi thường cho chị Hoàng Thị L3, sinh năm 1992. Trú tại: Thôn Yên Thượng, xã Thanh Tương, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang số tiền 130.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi triệu đồng*).

Tổng số tiền bị cáo Nguyễn Thị Á phải bồi thường cho các bị hại là **785.000.000 đồng** (*Bảy trăm tám mươi lăm triệu đồng*).

Khoản tiền bồi thường kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo chậm thi hành thì hàng tháng phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí:

- Bị cáo Nguyễn Thị Á phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 35.400.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu bốn trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền phải bồi thường cho các bị hại là 785.000.000 đồng (*Bảy trăm tám mươi lăm triệu đồng*). Tổng cộng án phí bị cáo phải chịu là 35.600.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng*).

Về quyền kháng cáo:

Bị cáo; các bị hại; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (được kháng cáo phần liên quan) có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 14/8/2020.

Các bị hại; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (được kháng cáo phần liên quan) vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

“Trường H bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh T.Quang;
- Cục THADS tỉnh T. Quang;
- Công an tỉnh T.Quang (CQCSĐT + Phòng hồ sơ);
- Trại tạm giam Công tỉnh T.Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh T.Quang;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Lưu HS + Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Hương

